

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 12 - 5 - 2020

V/v “Tranh chấp ly hôn, con
chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Hồng Tuyền**

Các Thẩm Phán: Ông **Phạm Thành Dương**

Ông **Vũ Hồng Luyện**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Lê Huy Công** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông **Phùng Đức Nam** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố B, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2020/ HNGĐ – PT ngày 16 tháng 3 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2020/QĐ - PT ngày 26 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Phương T**, sinh năm 1992.

Hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã P, huyện D, tỉnh Quảng Ngãi.

Tạm trú: 209/54/180, tổ 38, khu phố 9, phường T, Thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Công ty TNHH MTV Viễn thông H (TTUQ bảo hành Samsung Đồng Nai) – số 1255, đường Phạm Văn T, KP.2 , phường T, Thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T có Luật sư Huỳnh Hữu N – Công ty luật TNHH MTV Tân Nam H – đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: R175, đường V, phường T, Thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Trọng N**, sinh năm 1989.

Hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã P, huyện D, tỉnh Quảng Ngãi.

Tạm trú: 209/54/180, tổ 38, khu phố 9, phường T, Thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Phương T.

(Bà T, Ông N và Luật sư có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Trọng N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2016 có đăng ký kết hôn. Đã được Ủy ban nhân dân xã P, huyện D, tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14 tháng 12 năm 2016.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống không hạnh phúc. Nguyên nhân là do không hiểu nhau, bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi nhau. Nhiều lần vợ chồng hàn gắn nhưng không được. Nay bà xác định tình cảm không còn, không thể chung sống với nhau được nữa, cuộc sống chung mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông Nguyễn Trọng N.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Trọng N, sinh ngày 11/11/2017 (hiện đang gửi cho ông bà nội của cháu N nuôi dưỡng). Ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N và bà yêu cầu ông Nguyễn Trọng N cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Theo bản tự khai, trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa bị đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân : Ông N đồng ý với những lời trình bày của bà T về quan hệ hôn nhân, con chung là đúng. Ông N thừa nhận giữa hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống vợ chồng. Nay bà Nguyễn Phương T cương quyết xin ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Trọng N, sinh ngày 11/11/2017 nay vợ chồng ly hôn thì Ông N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N. Tạm thời Ông N không yêu cầu bà Nguyễn Phương T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bản án sơ thẩm số 01/2020/HNGĐ-ST ngày 07/01/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố B tuyên xử:

1/ Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa bà Nguyễn Phương T và ông Nguyễn Trọng N.

2/ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Trọng N, sinh ngày 11/11/2017 cho Ông N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời bà T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, bà T vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Bà T có quyền thăm nom con; không ai được cản trở bà T thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3/ Về nợ chung: Không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5/ Về án phí: Buộc nguyên đơn phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Ngày 08/01/2020, nguyên đơn bà Nguyễn Phương T có đơn kháng cáo không đồng ý án sơ thẩm giải quyết về con chung. Yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết cho bà được trực tiếp nuôi con.

Quan điểm Luật sư tham gia phiên tòa bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T cho rằng: Bà T kháng cáo yêu được trực tiếp nuôi con là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Bà T cũng đã có đơn không yêu cầu Ông N phải đóng góp phí tổn nuôi con chung. Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bà T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và HĐXX đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký đảm bảo đúng thành phần, vô tư khách quan, quyền lợi và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được bảo đảm.

Về nội dung: Kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Phương T là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Về kháng cáo trong hạn, đóng tạm ứng án phí đầy đủ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Quan hệ pháp luật và tư cách đương sự cấp sơ thẩm xác định là đúng.

[2] Về yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn: Chứng cứ thu thập thể hiện: Con chung của bà T và Ông N là cháu Nguyễn Hoàng Trọng N, sinh ngày 11/11/2017, tính đến nay mới chỉ được 2 tuổi rưỡi. Các đương sự không có thỏa thuận nào khác nhưng án sơ thẩm giao cháu cho cha trực tiếp nuôi dưỡng trong khi mẹ cháu có việc làm, có sức khỏe, có thu nhập đảm bảo quyền lợi của trẻ là vi phạm khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Bản án sơ thẩm nhận định: sau khi vợ chồng ly thân, bà T làm việc ở thành phố Hồ Chí Minh ở nhà thuê còn Ông N vẫn sống tại nhà chung của vợ chồng ở thành phố B nên Ông N có điều kiện nuôi con tốt hơn bà T là nhận định trái với quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật hôn nhân và gia đình. Thực tế, hiện tại Ông N cũng không trực tiếp nuôi con mà vẫn phải gửi cha mẹ ở Quảng Ngãi nuôi. Do vậy, phải giao con cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng mới phù hợp với quy định của pháp luật nên kháng cáo của bà T là có căn cứ chấp nhận. Bà T có đơn và tại phiên tòa phúc thẩm, bà T có ý kiến không yêu cầu Ông N cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm thời Ông N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà T không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

Ý kiến của Luật sư và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

Áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Phương T.

Sửa một phần án sơ thẩm về tranh chấp nuôi con chung.

Căn cứ vào Điều 51, 55, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Phương T và ông Nguyễn Trọng N.

2/ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Trọng N, sinh ngày 11/11/2017 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời Ông N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông N có quyền thăm nom con, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về án phí: Bà T phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000đ và tạm ứng án phí kháng cáo 300.000đ bà T đã nộp theo các Biên lai thu tiền số 0000396 ngày 03/9/2019 và 0008030 ngày 10/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố B được tính trừ vào án phí bà T phải chịu. Hoàn trả bà T 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí còn dư.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND TP. B;
- VKSND TP. B;
- Chi cục THADS TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**Nguyễn Thị Hồng Tuyền**